

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 8 – 2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp Cơi 5A, xã K B T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Chí E, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp Cơi 5A, xã K B T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tại phiên tòa, chị Võ Thị M trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Chí E chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, chị cho rằng vợ, chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế, chị và anh Chí E không còn chung sống vợ, chồng từ năm 2019 đến nay.

Từ nội dung trên, chị nhận thấy tình cảm của chị và anh Chí E không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chí E.

- Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Chí E có 01 người con chung là Lê Tường V, sinh ngày 03/3/2013, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu anh Chí E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định giữa chị và anh Chí E không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai rằng giữa chị và anh Chí E không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Lê Chí E, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia phiên toà xét xử, thông qua mẹ ruột là bà Trần Kim L và người phụ nữ sống chung như vợ, chồng với anh Chí E là chị Nguyễn Kim Th nhận thay, có cam kết giao lại nhưng anh Chí E vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Đối với anh Lê Chí E, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tham gia phiên toà xét xử, thông qua mẹ ruột là bà Trần Kim L và người phụ nữ sống chung như vợ, chồng với anh Chí E là chị Nguyễn Kim Th nhận thay, có cam kết giao lại nhưng anh Chí E vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Chí E theo luật định. Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa chị Võ Thị M và anh Lê Chí E là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Võ Thị M và anh Lê Chí E có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2013 đến năm 2019. Theo chị M xác định, giữa chị và anh Chí E không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị M và anh Chí E đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị M yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó,

chị M xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị với anh Chí E không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ năm 2019 đến nay.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh Chí E có 01 người con chung là Lê Tường V, sinh ngày 03/3/2013, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu anh Chí E cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án tiến hành ghi nguyện vọng của cháu V thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị M. Do đó, cần tôn trọng sự tự nguyện theo nguyện vọng của cháu V, tiếp tục giao cháu V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị M không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định giữa chị và anh Chí E không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M khai rằng giữa chị và anh Chí E không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Chí E được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị M và anh Lê Chí E.

2 - Về con chung: Giao cháu Lê Tường V, sinh ngày 03/3/2013 cho chị Võ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Chí E được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người trực tiếp nuôi con.

3 - Về tài sản chung: Chị M xác định giữa chị và anh Chí E không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị M khai rằng giữa chị và anh Chí E không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M phải chịu 300.000đ, ngày 21 tháng 4 năm 2020, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau theo biên lai số: 3506 được đối trừ chuyển thu.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chí E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải